TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 26/2026/HNGĐ-ST Ngày 31/3/2026 V/v "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - ĐỒNG NAI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Đào

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Kim Phương

2. Bà Nguyễn Thị Mỹ Hương

- ***Thư ký phiên tòa*:** Ông Trần Thế Mạnh - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Đồng Nai.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - Đồng Nai:*** Bà Cao Thị Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 03 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Đồng Nai mở phiên tòa xét xử công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 32/2026/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2026 về việc: "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 03 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị Lệ G, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Hẻm F, đường H, phường L, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Huy H, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Số B đường L, tổ A, khu phố N, phường B, tỉnh Đồng Nai.

(*Bà G, Ông H1 có đơn xin vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện và bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Huỳnh Thị Lệ G trình bày:***

+ Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị Lệ G và ông Nguyễn Huy H tự nguyện tìm hiểu và yêu thương nhau. Đến ngày 02/11/2011, hai bên tự nguyện đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường X, thị xã L cũ (nay là Ủy ban nhân dân phường L) cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 110/2011. Sau khi kết hôn, cả hai thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, ngày càng trầm trọng, ông H thường xuyên bỏ nhà đi, lần cuối bỏ nhà đi là tháng 9/2025, thời gian chung sống ông H không thực hiện nghĩa vụ làm chồng, không quan tâm, chăm sóc vợ con. Nay

nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, bà G yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Huy H.

- Về con chung: Bà G khai quá trình chung sống có 03 con chung gồm: Cháu Nguyễn Huy T, sinh ngày 09/9/2011, cháu Nguyễn Huy T1, sinh ngày 10/8/2012 và cháu Nguyễn Huỳnh Trâm A, sinh ngày 02/12/2014. Khi ly hôn, bà G yêu cầu giao cả 03 cháu cho bà trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung. Tuy nhiên, do cháu Nguyễn Huy T1 có nguyên vọng ở với cha nên bà G đồng ý giao con cho ông H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Bà G không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà G không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà G khai vợ chồng không có nợ chung.

**** Tại bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Huy H trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Ông thống nhất với bà Huỳnh Thị Lệ G về quan hệ hôn nhân, quá trình chung sống và mâu thuẫn gia đình, đồng thời cho rằng sau nhiều lần mâu thuẫn ông đã cố hàn gắn nhưng không thành, nay bà G khởi kiện ly hôn thì ông đồng ý ly hôn với bà Huỳnh Thị Lệ G. Tuy nhiên, ông H không đồng ý ký biên bản thuận tình ly mà mà đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Ông H khai quá trình chung sống có 03 con chung gồm: Cháu Nguyễn Huy T, sinh ngày 09/9/2011, cháu Nguyễn Huy T1, sinh ngày 10/8/2012 và cháu Nguyễn Huỳnh Trâm A, sinh ngày 02/12/2014. Khi ly hôn, ông đề nghị xem xét theo nguyện vọng của các cháu để giải quyết. Về cấp dưỡng, ông đề nghị xem xét ai được giao chăm sóc người con nào thì chịu trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đối với người con đó, người còn lại không phải chịu trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con. Trường hợp, một hoặc hai hoặc cả 03 người con có nguyện vọng ở với ông, ông đều đồng ý.

- Về tài sản chung: Ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông H khai vợ chồng không có nợ chung.

**** Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - Đồng Nai:***

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án được thực hiện đúng với quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay, đảm bảo khách quan, vô tư, đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Do mâu thuẫn đã thực sự trầm trọng, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà Huỳnh Thị Lệ G và ông Nguyễn Huy H được ly hôn.

+ Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao các cháu Nguyễn Huy T, sinh ngày 09/9/2011 và Nguyễn Huỳnh Trâm A, sinh ngày 02/12/2014 cho bà G được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; Giao cháu Nguyễn Huy T1, sinh ngày 10/8/2012 cho ông H được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục theo nguyên vọng của cháu. Tạm thời không bên nào có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

+ Về tài sản chung: Không yêu cầu, không đặt ra xem xét.

+ Về nợ chung: Không có, không đặt ra xem xét.

+ Về án phí: Bà Huỳnh Thị Lệ G phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Bà Huỳnh Thị Lệ G khởi kiện ông Nguyễn Huy H yêu cầu ly hôn và tranh chấp nuôi con nên xác định bà G là nguyên đơn, ông H là bị đơn; căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là "Ly hôn, tranh chấp nuôi con". Hiện bị đơn đang cư trú tại Số B đường L, tổ A, khu phố N, phường B, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đồng Nai theo quy định tại Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự có mặt, vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn và bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ các Điều 227, 228 và 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị Lệ G và ông Nguyễn Huy H tiến tới hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và Ủy ban nhân dân phường X, thị xã L cũ (nay là Ủy ban nhân dân phường L) cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 110/2011 ngày 02/11/2011, căn cứ Điều 8 và Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì đây được xem là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn: Bà G xác định quá trình chung sống hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống nên mâu thuẫn xảy ra ngày càng trầm trọng. Nay tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ không có, hai vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc, giúp

đỡ và chia sẻ công việc gia đình cùng nhau. Tại bản tự khai, ông H thừa nhận quá trình chung sống, mâu thuẫn như Bà G trình bày là đúng sự thật và đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà G.

Từ những phân tích trên, xét mâu thuẫn giữa bà G và ông H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, ông H cũng đồng ý ly hôn nên yêu cầu ly hôn của bà G là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các Điều 51 và 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên được chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Bà Huỳnh Thị Lệ G và ông Nguyễn Huy H khai quá trình chung sống có 03 con chung gồm: Cháu Nguyễn Huy T, sinh ngày 09/9/2011, cháu Nguyễn Huy T1, sinh ngày 10/8/2012 và cháu Nguyễn Huỳnh Trâm A, sinh ngày 02/12/2014. Quá trình giải quyết, các cháu Nguyễn Huy T và Nguyễn Huỳnh Trâm A có ý kiến nguyện vọng muốn được ở cùng với bà G, cháu Nguyễn Huy T1 có ý kiến nguyện vọng muốn được ở cùng với ông H. Cả ông H và bà G đều đồng ý nuôi con theo nguyện vọng của các cháu. Xét ý kiến của các cháu là phù hợp, cần thiết đảm bảo cho sự phát triển toàn diện của các cháu. Hơn nữa, bản thân cháu Trâm A là con gái, giao cho mẹ chăm sóc sẽ đảm bảo sự phát triển tốt nhất cho cháu, nên việc giao cháu Trâm A và cháu T cho chị G, giao cháu T1 cho anh H là phù hợp, góp phần san sẻ trách nhiệm chăm sóc con sau khi ly hôn cho cả hai, phù hợp quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm thời, các bên không ai có nghĩa vụ phải cấp dưỡng cho bên còn lại.

Về quyền thăm nom, chăm sóc con cái: Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu của một hoặc hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[2.3] Về tài sản chung: Bà Huỳnh Thị Lệ G và ông Nguyễn Huy H không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Bà Huỳnh Thị Lệ G và ông Nguyễn Huy H khai không có nên không xem xét, giải quyết.

[3] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Bà Huỳnh Thị Lệ G phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, các Điều 227, 228, 238, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 8, 9, 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84 và Điều 131 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Lệ G về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" đối với ông Nguyễn Huy H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Huỳnh Thị Lệ G và ông Nguyễn Huy H được ly hôn.

2. Về con chung: Giao các cháu Nguyễn Huy T, sinh ngày 09/9/2011 và Nguyễn Huỳnh Trâm A, sinh ngày 02/12/2014 cho bà G được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; Giao cháu Nguyễn Huy T1, sinh ngày 10/8/2012 cho ông H được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Tạm thời các bên không có nghĩa vụ phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu của một hoặc hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự khai không có, nên không xem xét.

4. Về án phí:

Bà Huỳnh Thị Lệ G phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000753 ngày 09/01/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai. Bà Huỳnh Thị Lệ G đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ. Viện kiểm sát cùng cấp được quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp được quyền kháng nghị trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- VKSND Khu vực 4 - Đồng Nai;
- UBND Xuân Trung, thị xã Long Khánh cũ (nay là UBND phường Long Khánh) (GCNKH số 110/2011 ngày 02/11/2011);
- THADS tỉnh Đồng Nai;
- Phòng THADS Khu vực 4 - Đồng Nai;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Đào